

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 06 /2024/NQ-HĐND

Đồng Nai, ngày 17 tháng 7 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Quy định mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên từ năm học 2024-2025; tiêu chí xác định địa bàn không đủ trường tiểu học công lập trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI
KHÓA X KỲ HỌP THỨ 18**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Giá ngày 19 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ Quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Trường tiểu học;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19 tháng 5 năm 2021 của Bộ

trưởng Bộ Xây dựng ban hành QCVN 01:2021/BXD quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng;

Xét Tờ trình số 73/TTr-UBND ngày 28 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết quy định mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên từ năm học 2024-2025; tiêu chí xác định địa bàn không đủ trường tiểu học công lập trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định về:

- a) Mức thu học phí từ năm học 2024 - 2025 đối với cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục trung học cơ sở, cơ sở giáo dục trung học phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên, cơ sở giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên trên địa bàn tỉnh.
- b) Mức hỗ trợ tiền đóng học phí từ năm học 2024 - 2025 cho học sinh tiểu học tư thục ở các địa bàn không đủ trường tiểu học công lập và học sinh tiểu học tư thục thuộc đối tượng được hưởng chính sách miễn, giảm học phí theo quy định.
- c) Tiêu chí xác định địa bàn xã, phường, thị trấn không đủ trường tiểu học công lập.

2. Đối tượng áp dụng

- a) Trẻ em đang học tại các cơ sở giáo dục mầm non, học sinh đang học tại các cơ sở giáo dục phổ thông, học viên đang học chương trình giáo dục thường xuyên phổ thông tại các cơ sở giáo dục thường xuyên, cơ sở giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên trên địa bàn tỉnh.
- b) Học sinh tiểu học đang học tại các cơ sở giáo dục phổ thông tư thục có giảng dạy cấp tiểu học trên địa bàn tỉnh.
- c) Các cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên, cơ sở giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên; các cơ sở giáo dục phổ thông tư thục có giảng dạy cấp tiểu học trên địa bàn tỉnh.
- d) Các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Quy định mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục trung học cơ sở, cơ sở giáo dục trung học phổ thông, cơ sở giáo

dục thường xuyên, cơ sở giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên từ năm học 2024-2025; mức hỗ trợ học phí cho học sinh tiểu học tự thực trên địa bàn tỉnh

1. Đối với hình thức học trực tiếp

a) Mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục trung học cơ sở, cơ sở giáo dục trung học phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên, cơ sở giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên

Đơn vị tính: đồng/trẻ, học sinh, học viên/tháng

Vùng, địa bàn	Mầm non	Phổ thông		Chương trình giáo dục thường xuyên phổ thông	
		THCS	THPT	THCS	THPT
1. Thành thị (thành phố Biên Hòa, Long Khánh và thị trấn các huyện)					
- Các phường thuộc thành phố Biên Hòa, Long Khánh	120.000	75.000	120.000	75.000	120.000
- Các xã thuộc thành phố Biên Hòa, Long Khánh; thị trấn thuộc các huyện	90.000	60.000	90.000	60.000	90.000
2. Nông thôn	75.000	45.000	75.000	45.000	75.000
3. Miền núi (theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh sách các xã, phường thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi)	25.000	20.000	25.000	20.000	25.000

Mức thu học phí trên được xác định theo địa điểm nơi cơ sở giáo dục đóng.

b) Mức hỗ trợ tiền đóng học phí cho học sinh tiểu học tự thực ở các địa bàn không đủ trường tiểu học công lập và học sinh tiểu học tự thực thuộc đối tượng được hưởng chính sách miễn, giảm học phí.

Đơn vị tính: đồng/học sinh/tháng

Vùng, địa bàn	Mức hỗ trợ
1. Thành thị (thành phố Biên Hòa, Long Khánh và thị trấn các huyện)	
- Các phường thuộc thành phố Biên Hòa, Long Khánh	120.000
- Các xã thuộc thành phố Biên Hòa, Long Khánh; thị trấn thuộc các huyện	90.000
2. Nông thôn	75.000
3. Miền núi (theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh sách các xã, phường thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi)	25.000

Mức hỗ trợ trên được xác định theo địa điểm nơi cơ sở giáo dục đóng.

2. Đối với hình thức học trực tuyến

Mức thu học phí học trực tuyến đối với cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục trung học cơ sở, cơ sở giáo dục trung học phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên, cơ sở giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên; mức hỗ trợ tiền đóng học phí học trực tuyến cho học sinh tiểu học tự thực ở các địa bàn không đủ trường tiểu học công lập và học sinh tiểu học tự thực thuộc đối tượng được hưởng chính sách miễn, giảm học phí: bằng 85% mức thu học phí học trực tiếp, mức hỗ trợ học phí học trực tiếp của các cơ sở giáo dục tương ứng từng cấp học, địa bàn, từng vùng theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều này.

Mức thu học phí học trực tuyến được làm tròn số đến đơn vị 1.000 đồng theo nguyên tắc: đơn vị hàng trăm từ 5 trở lên thì làm tròn lên, đơn vị hàng trăm nhỏ hơn 5 thì làm tròn xuống.

3. Quy định áp dụng mức thu học phí theo hình thức học trực tiếp, trực tuyến

a) Đối với các tháng có thời gian học trực tiếp hoặc trực tuyến trọn tháng: Áp dụng mức thu học phí của tháng đó theo mức thu tương ứng quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

b) Đối với các tháng đồng thời áp dụng cả hai hình thức học trực tiếp và trực tuyến: Căn cứ thời gian học tập thực tế của trẻ/học sinh/học viên để áp dụng mức thu học phí theo tiêu chí hình thức học tập nào có thời gian nhiều hơn (tính theo

ngày) sẽ áp dụng mức thu theo hình thức học tập đó, trường hợp bằng nhau sẽ áp dụng theo hình thức học tập trực tuyến.

Điều 3. Quy định tiêu chí xác định xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh không đủ trường tiểu học công lập

Các xã, phường, thị trấn không đủ trường tiểu học công lập khi đáp ứng một trong các tiêu chí sau:

1. Không đảm bảo tối thiểu 65 chỗ học cho 1.000 dân theo tiêu chí học 2 buổi/ngày và sĩ số học sinh trên lớp theo quy định (35 học sinh/lớp)
2. Tổng số phòng học của các cơ sở giáo dục tiểu học công lập không đảm bảo cho dân số trong độ tuổi học tiểu học trên địa bàn đến trường theo tiêu chí học 02 buổi/ngày và sĩ số học sinh trên lớp theo quy định (35 học sinh/lớp).

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm thực hiện Nghị quyết này và báo cáo kết quả thực hiện cho Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này theo quy định.
3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên giám sát và vận động Nhân dân cùng giám sát việc thực hiện Nghị quyết này; phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng và kiến nghị của các tổ chức, cá nhân có liên quan và Nhân dân đến các cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 27 tháng 7 năm 2024.
2. Nghị quyết này thay thế các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, gồm:
 - a) Nghị quyết số 18/2016/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2016 quy định mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên, giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp công lập thuộc tỉnh trực tiếp quản lý từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021;
 - b) Nghị quyết số 06/2021/NQ-HĐND ngày 30 tháng 7 năm 2021 về kéo dài thời gian thực hiện Nghị quyết số 18/2016/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên, giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp công lập thuộc tỉnh trực tiếp quản lý từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021.
 - c) Nghị quyết số 20/2023/NQ-HĐND ngày 29 tháng 9 năm 2023 về việc sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 06/2021/NQ-HĐND ngày 30 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng Nhân dân tỉnh về kéo dài thời gian thực hiện Nghị quyết số

18/2016/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên, giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp công lập thuộc tỉnh trực tiếp quản lý từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020 - 2021.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai Khóa X Kỳ họp thứ 18 thông qua ngày 17 tháng 7 năm 2024./. *phuuuul*

Nơi nhận: *phuuuul*

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội (A+B);
- Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ (A+B);
- Vụ pháp chế các Bộ: Giáo dục Đào tạo; Tài chính, Nội vụ, Lao động Thương binh và xã hội;
- Cục Kiểm tra VB QPPL - Bộ Tư pháp;
- Đồng chí Bí thư Tỉnh ủy;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Các Đại biểu HĐND tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, ĐDBQH&HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT. huyện ủy, thành ủy, HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Báo Đồng Nai, Đài PT-TH Đồng Nai;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT; PCTHĐ.

CHỦ TỊCH



Thái Bảo